

Số: /2024/NQ-HĐND

An Giang, ngày tháng 12 năm 2024

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và tập trung chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện thống nhất trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo đúng các quy định pháp luật có liên quan, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện Nghị quyết, nếu phát sinh khó khăn vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, Ủy ban nhân dân

tình kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh để xem xét, giải quyết theo thẩm quyền.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khoá X, kỳ họp thứ 21 thông qua ngày... tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày... tháng... năm 2024. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ban công tác ĐB thuộc UBTWQH;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực: HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại Kiên Giang, Báo An Giang, Đài Phát thanh - Truyền hình An Giang;
- Website tỉnh; Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**QUY ĐỊNH****Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang**

(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND  
ngày tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định trong quản lý, sử dụng tài sản công, gồm: mua sắm tài sản công, mua sắm vật tiêu hao; thuê tài sản; khai thác tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị; thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của dự án sử dụng vốn nhà nước.

Việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, quy định riêng của Chính phủ và quy định riêng của Tỉnh ủy An Giang; các nội dung không quy định cụ thể tại quy định riêng của Chính phủ, quy định riêng của Tỉnh ủy An Giang thì được thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước (đối với cơ quan của Đảng) và quy định về quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập (đối với đơn vị sự nghiệp của Đảng) tại Nghị quyết này.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

- Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang, gồm:
  - Cơ quan Nhà nước (sau đây gọi là cơ quan).
  - Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh; tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi là tổ chức).
  - Đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là đơn vị).
- Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

**Điều 3. Nguyên tắc chung**

- Việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công phải thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đấu thầu, các quy định pháp luật hiện hành; phù hợp với quy định về phân cấp kinh tế - xã hội, tình hình thực tế và yêu cầu công tác quản lý tài chính, tài sản công của tỉnh An Giang.

- Đảm bảo quy định rõ thẩm quyền, rõ đối tượng, rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Tài sản công được đầu tư, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công**

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án được thực hiện theo quy định của pháp luật khác có liên quan được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP (sửa đổi Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP).

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

2.1. Đối với việc mua sắm tài sản công thuộc danh mục mua sắm tập trung cấp tỉnh: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu quy định tại khoản 49, 50 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP (sửa đổi Điều 67, Điều 68 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP).

2.2. Đối với việc mua sắm tài sản công không theo phương thức tập trung cấp tỉnh:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công là trụ sở làm việc; cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô; tài sản cố định khác đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 05 tỷ đồng trở lên, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này.

b) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định mua sắm đối với tài sản cố định khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến không quá 05 tỷ đồng, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm đối với tài sản cố định khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện, cấp xã đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến không quá 05 tỷ đồng, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này.

d) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp quyết định mua sắm đối với tài sản khác (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) bao gồm tài sản cố định và tài sản công không phải tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng, trừ trường hợp quy định tại điểm đ khoản này.

đ) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị (trừ trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) theo quy định tại khoản 30 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-

CP (sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP).

e) Việc mua sắm quy định tại khoản này không bao gồm mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động cơ quan nhà nước. Việc mua sắm dịch vụ phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan theo khoản 2 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP (sửa đổi khoản 4 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP).

### 2.3. Đối với việc mua sắm tài sản công là vật tiêu hao:

a) Vật tiêu hao theo quy định tại khoản 3 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP (bổ sung khoản 1 Điều 3a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP) bao gồm: nguyên nhiên liệu, thuốc, sinh phẩm, vật tư, vật liệu, văn phòng phẩm và các vật khác khi đã qua một lần sử dụng thì mất đi hoặc giữ được tính chất, hình dáng và tính năng sử dụng ban đầu.

b) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 5 tỷ đồng trở lên, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này.

c) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp I) quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến không quá 05 tỷ đồng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị từ 200 triệu đồng đến không quá 05 tỷ đồng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện, cấp xã trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này.

đ) Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán các cấp quyết định mua sắm vật tiêu hao đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản này.

e) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm vật tiêu hao phục vụ hoạt động của đơn vị theo quy định tại khoản 31 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP (bổ sung điểm c khoản 2 Điều 37a Nghị định số 151/2017/NĐ-CP).

### **Điều 5. Thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo khoản 16 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP**

Chủ tịch UBND tỉnh quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất khi bán trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Riêng đối với trường hợp giao nhà, đất cho tổ chức phát triển quỹ đất quản lý, khai thác; giao nhà, đất cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà; giao đất, cho thuê đất có tài sản gắn liền với đất thì thẩm quyền quyết định giá trị của tài sản gắn liền với đất thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, quy định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng

vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác và pháp luật khác có liên quan.

### **Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công**

1. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định việc thuê tài sản là nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý từ các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định), trừ các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng các nguồn vốn (bao gồm: nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; nguồn thu từ phí được khấu trừ hoặc để lại theo quy định của pháp luật về phí; nguồn thu hoạt động sự nghiệp; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định) quyết định thuê tài sản khác, trừ các tài sản quy định tại khoản 1 Điều này và các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định việc thuê tài sản là nhà, đất sử dụng làm trụ sở làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất; xe ô tô và tài sản khác từ các nguồn vốn (bao gồm: nguồn thu hoạt động sự nghiệp; quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, quỹ phúc lợi, quỹ khác theo quy định của pháp luật tại đơn vị sự nghiệp công lập; các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định, trừ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước).

### **Điều 7. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công**

1. Đối với hồ sơ đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo khoản 2 Điều 56, khoản 2 Điều 57 và khoản 2 Điều 58 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Đối với hồ sơ đề nghị khai thác tài sản công:

a) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định việc khai thác tài sản công đối với tài sản công thuộc quyền quản lý, sử dụng; quyết định việc khai thác tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc khai thác tài sản công đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý của địa

phương trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này.

c) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định khai thác tài sản công tại đơn vị theo khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP (bổ sung Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP).

### **Điều 8. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công là đất, nhà, công trình gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất); xe ô tô.

2. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thu hồi tài sản khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện, cấp xã trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 9. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công là đất, nhà, công trình gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất), xe ô tô.

2. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định điều chuyển tài sản khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện, cấp xã trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

### **Điều 10. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là đất, nhà, công trình gắn liền với đất (sau đây gọi là nhà, đất) có nguyên giá tài sản trên đất và giá trị quyền sử dụng đất dưới 500 tỷ đồng; xe ô tô.

2. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định bán đối với tài sản khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán đối với tài sản khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý cấp huyện, cấp xã trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này.

4. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định bán đối với tài sản công không phải là tài sản cố định theo khoản 14 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP (sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 22 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP).

### **Điều 11. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là xe ô tô.
2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định thanh lý tài sản công là nhà, công trình gắn liền với đất; tài sản công khác (không bao gồm xe ô tô) có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.
3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định thanh lý tài sản công là nhà, công trình gắn liền với đất; tài sản công khác (không bao gồm xe ô tô) có nguyên giá từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc quản lý, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.
4. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công quyết định thanh lý tài sản công khác (không bao gồm: nhà, công trình gắn liền với đất; xe ô tô) có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.
5. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thanh lý tài sản công khác (không bao gồm: nhà, công trình gắn liền với đất; xe ô tô).

#### **Điều 12. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công**

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định tiêu hủy tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý.
3. Các tài sản công là tang vật tịch thu do vi phạm hành chính, vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu theo quy định của pháp luật về hình sự, tố tụng hình sự đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì thực hiện công tác tiêu hủy theo các văn bản pháp luật chuyên ngành và các văn bản quy định có liên quan.

#### **Điều 13. Thẩm quyền xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp nguyên giá tài sản bị mất, bị hủy hoại theo sổ kế toán từ 05 tỷ đồng trở lên.
2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh là đơn vị dự toán cấp I quyết định xử lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp nguyên giá tài sản bị mất, bị hủy hoại theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến không quá 05 tỷ đồng.
3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (bao gồm cả cấp xã) thuộc phạm vi quản lý trong trường hợp nguyên giá tài sản bị mất, bị hủy hoại theo sổ kế toán từ 200 triệu đồng đến không quá 05 tỷ đồng.



4. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp nguyên giá tài sản bị mất, bị hủy hoại theo sổ kế toán không quá 200 triệu đồng hoặc tài sản công không phải là tài sản cố định theo khoản 25 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP (sửa đổi khoản 3 Điều 34 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP).

**Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý**

1. Tài sản phục vụ hoạt động dự án sử dụng vốn nhà nước là tài sản được hình thành theo quy định tại Điều 101 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 của Quy định này.

3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án giao tài sản công cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

**Điều 15. Xử lý chuyển tiếp**

1. Đối với tài sản công thực hiện thủ tục trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, sử dụng, xử lý, khai thác tài sản công đang trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định mua sắm theo quy định tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang mà tại thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành chưa được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định và có thay đổi về cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tại Quy định này, thì cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản công báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền quyết định tại Quy định này xem xét, quyết định.

2. Các nội dung khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh An Giang chưa được nêu trong Quy định này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và các pháp luật khác có liên quan.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn hoặc dẫn chiếu tại Quy định này nếu được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định của văn bản mới.

4. Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh để thống nhất hướng giải quyết đảm bảo theo quy định pháp luật và tình hình thực tế tại địa phương và báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh gần nhất./.